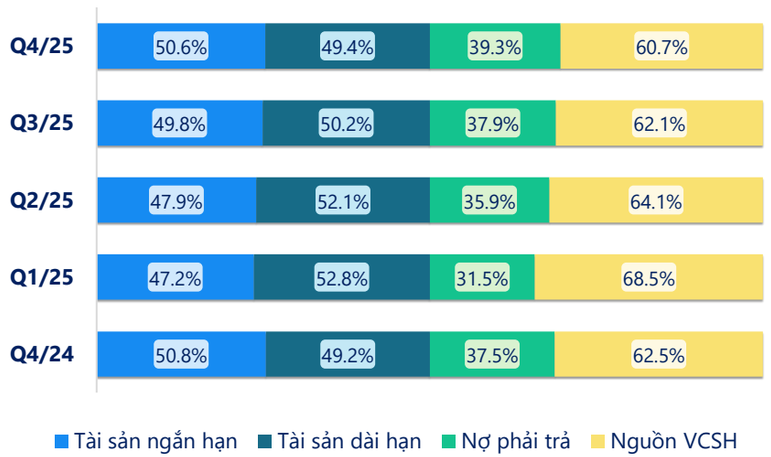
CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng (HNX: LHC)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	117,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	120,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	65,000
SL cổ phiếu LH	14,400,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	24,140
% sở hữu nước ngoài	0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,688
P/E	11.2
EPS	10,423

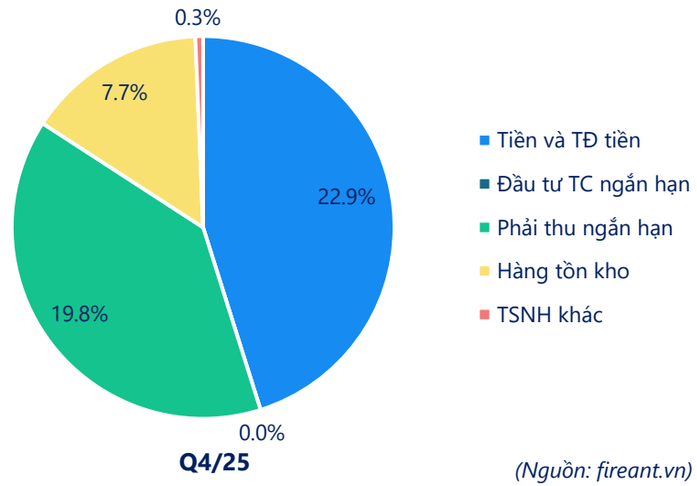
	YTD	1T	3T	6T
LHC	63.9%	-0.5%	22.1%	58.6%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



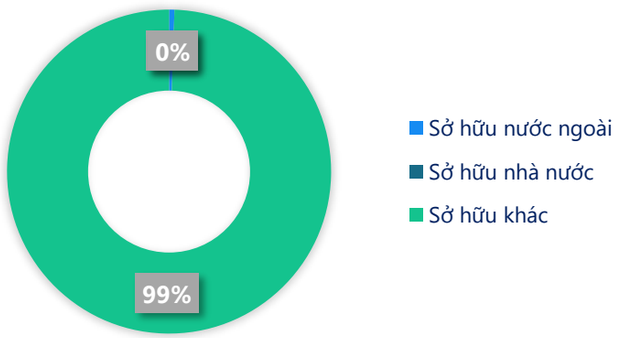
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



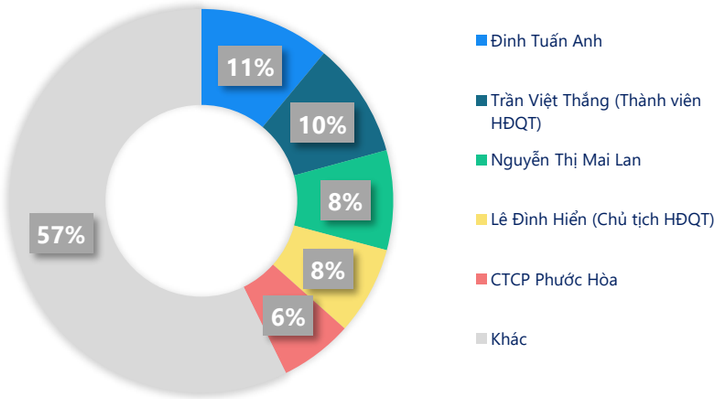
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



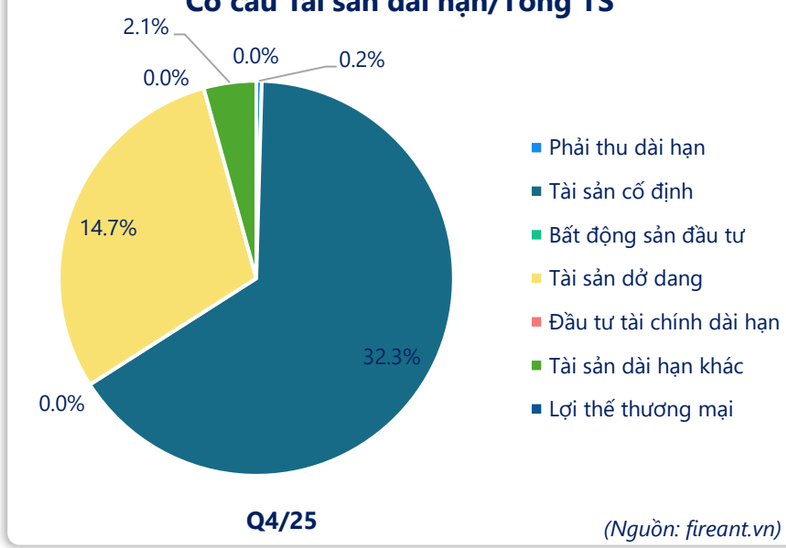
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

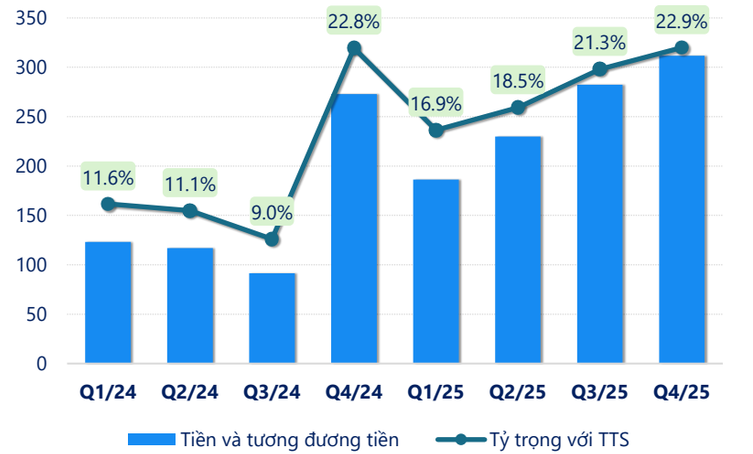


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

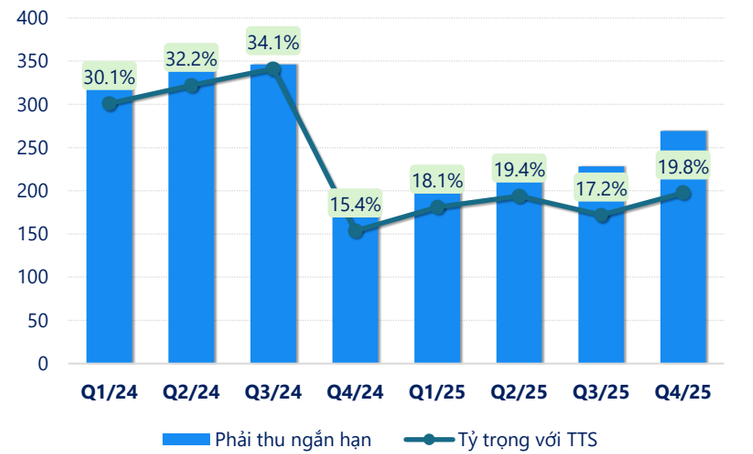
CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng (HNX: LHC)

Tiền và tương đương tiền



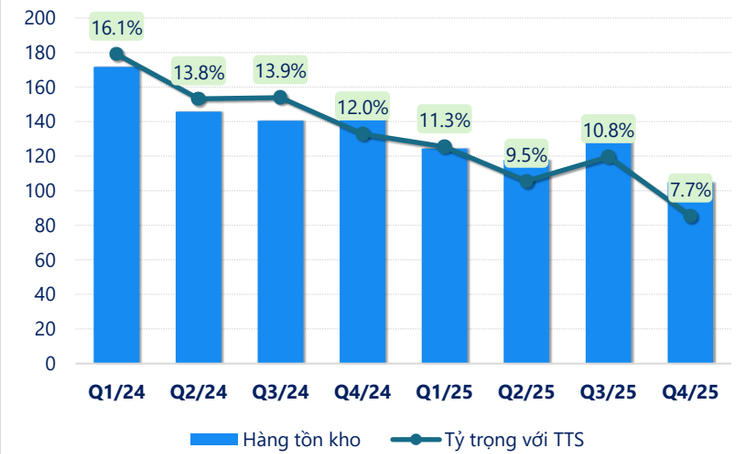
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



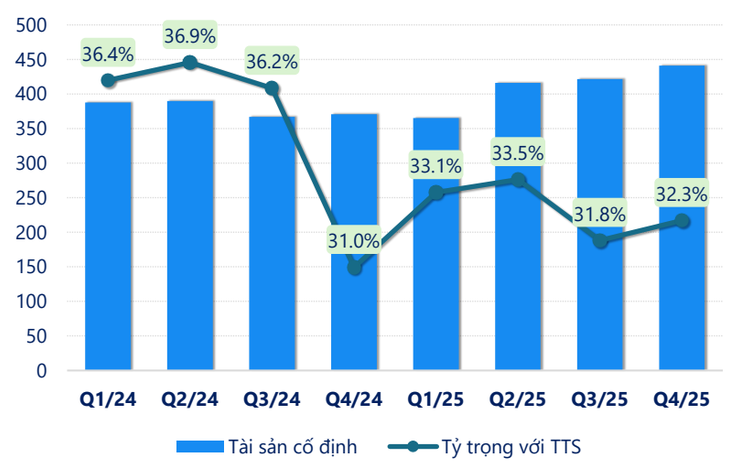
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



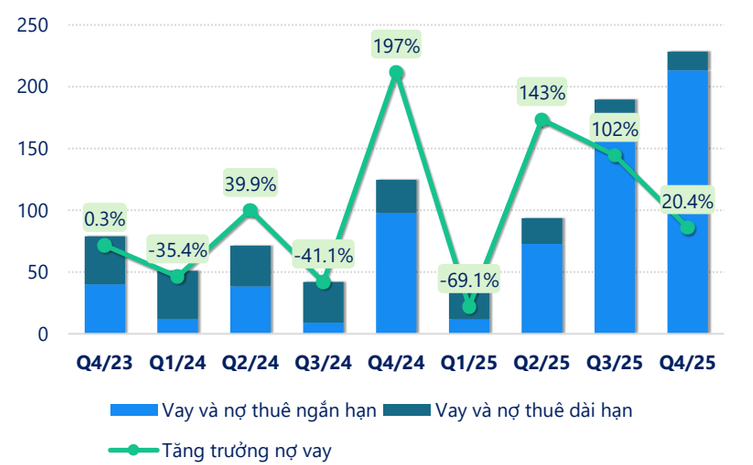
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



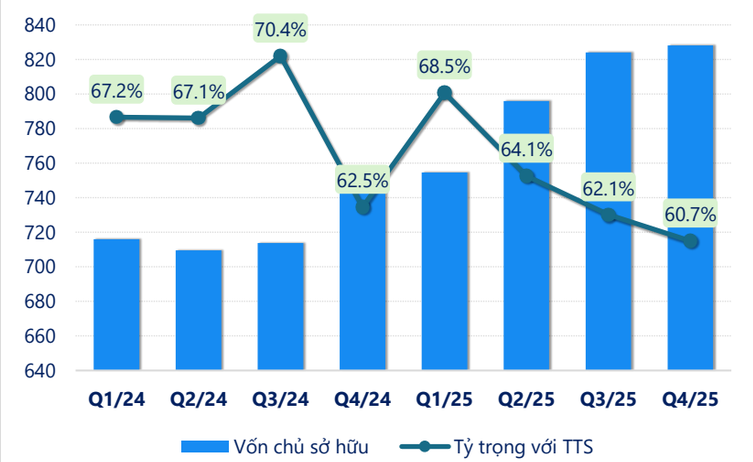
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

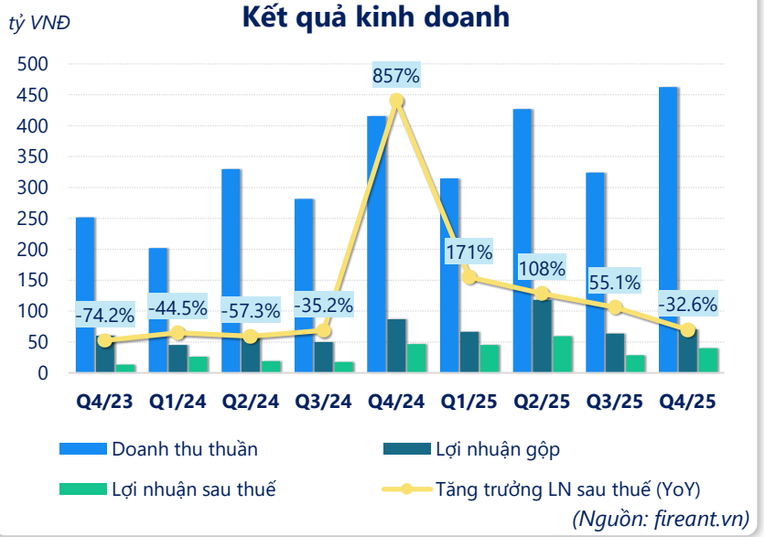
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

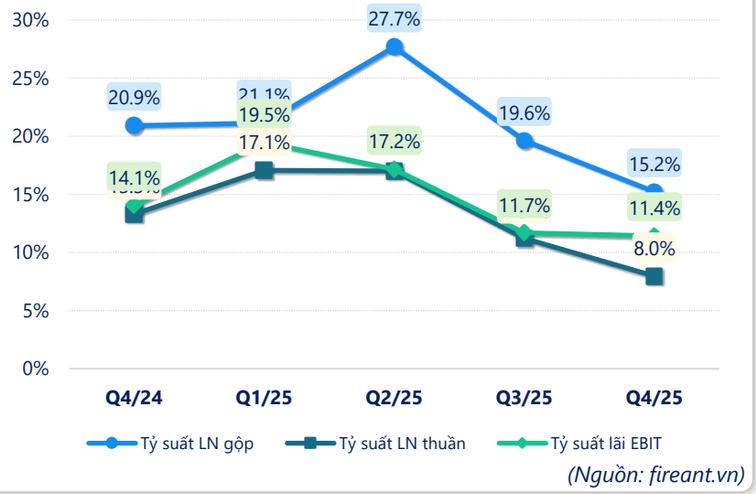
CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng (HNX: LHC)

Kết quả kinh doanh



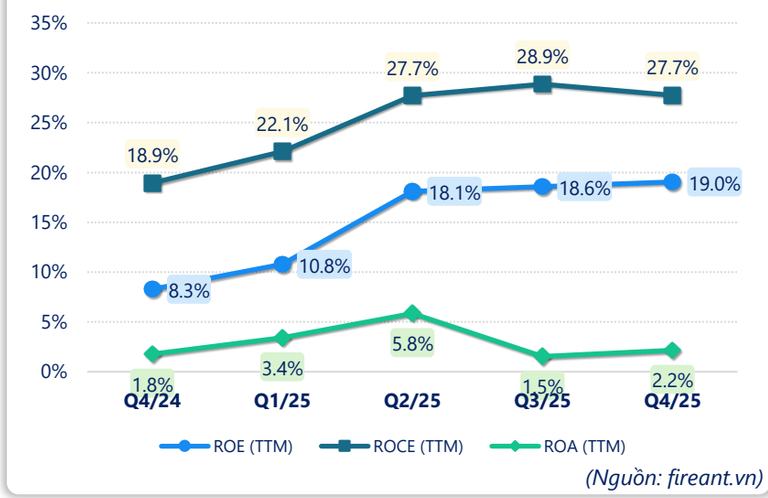
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



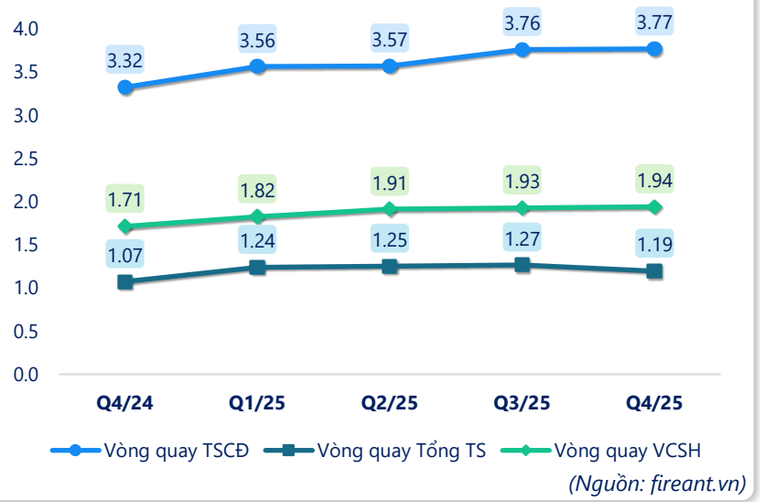
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



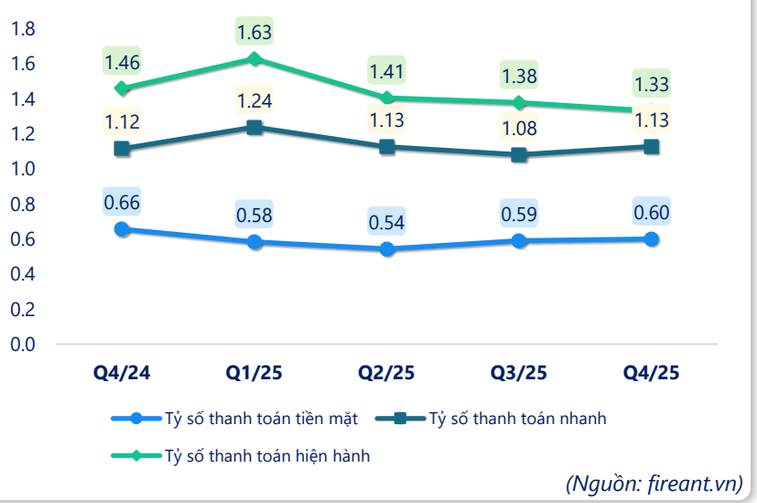
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



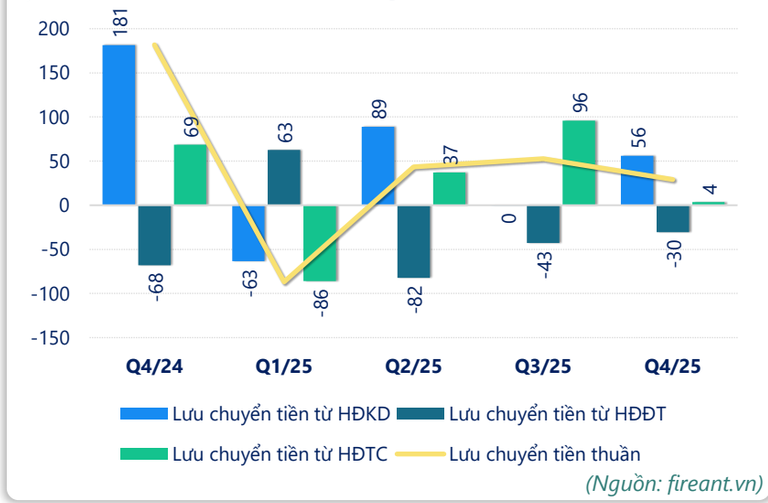
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng (HNX: LHC)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,363**	**1,197**	**13.9%**
Tài sản ngắn hạn	690	608	13.6%
Tiền và tương đương tiền	312	273	14.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	269	184	46.7%
Hàng tồn kho	105	144	-27.1%
Tài sản ngắn hạn khác	4.49	7.01	-35.9%
Tài sản dài hạn	**673**	**589**	**14.3%**
Phải thu dài hạn	3.02	3.20	-5.8%
Tài sản cố định	441	372	18.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	200	185	8.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**28.9**	**29.1**	**-0.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	535	450	18.8%
Nợ ngắn hạn	**519**	**418**	**24.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	213	97.7	118%
Phải trả người bán ngắn hạn	56.7	91.7	-38.2%
Nợ dài hạn	16.4	32.3	-49.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	15.0	27.0	-44.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**828**	**746**	**11.0%**
Vốn chủ sở hữu	**828**	**746**	**11.0%**
Vốn điều lệ	144	144	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	416	315	427	324	463
Giá vốn hàng bán	329	248	309	261	392
Lợi nhuận gộp	86.9	66.5	118	63.6	70.4
Doanh thu HĐTC	0.76	21.8	-0.12	1.97	2.61
Chi phí TC	0.79	2.15	-0.55	1.63	2.25
Chi phí lãi vay	0.75	0.88	0.60	1.59	2.23
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.95	1.97	1.13	0.87	0.85
Chi phí QLDN	30.7	30.4	44.8	26.7	33.0
LN thuần từ HĐKD	55.3	53.7	72.6	36.4	36.9
Lợi nhuận khác	2.40	6.65	-0.01	-0.05	13.8
LN trước thuế	57.7	60.3	72.6	36.3	50.6
Lợi nhuận sau thuế	46.4	45.1	59.3	28.6	40.1
LNST của CĐ cty mẹ	20.5	37.2	67.2	18.0	27.7

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	181	-63.3	88.7	-0.48	56.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-68.2	62.6	-82.3	-42.7	-30.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	68.6	-86.1	37.1	95.8	3.64
Tiền đầu kỳ	91.3	273	186	230	282
Lưu chuyển tiền thuần	**182**	**-86.8**	**43.5**	**52.7**	**29.2**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	273	186	230	282	312

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic